

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP HIỆP THÀNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG TỔNG HỢP HIỆP THÀNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH TV XD TH HIỆP THÀNH

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101561489

**3. Ngày thành lập:** 31/03/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Hẻm 85 đường Trần Đại Nghĩa, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn,  
Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0983 757 011

Fax:

Email: [hiepthanh.tvxdth@gmail.com](mailto:hiepthanh.tvxdth@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng; Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế xây dựng công trình; Thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng; Khảo sát xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, lựa chọn nhà thầu | 7110(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4229        |
| 6.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4299        |
| 7.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311        |
| 8.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4321        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4329        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4659        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663        |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: MẠC NHƯ LÃM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 215052290

Ngày cấp: 23/08/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Bình Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 1, thôn Phú Kim, Xã Cát Trinh, Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Hẻm 85 đường Trần Đại Nghĩa, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định